

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU
Bản án số: 33/2025/HNGĐ-ST
Ngày 05-5-2025
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ca Kiều Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Tuấn Kiệt
- Bà Lâm Thị Nguyệt Hồ

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồng Thị Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 49/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Mỹ H**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Số D Hồ M, Khóm C, Phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

Bị đơn: Ông **Võ Văn S**, sinh năm 1986

Nơi đăng ký thường trú: Số 5/28, Khóm 1, Phường 5, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

Chỗ ở hiện tại: Số D, Khóm E, Phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Huỳnh Mỹ H trình bày: Năm 2010, bà Huỳnh Mỹ H và ông Võ Văn S tự nguyện chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại U, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu ngày 14/3/2011. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông S ghen tuông vô cớ chửi mắng bà H, dẫn đến cãi vã làm đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Bà H phải một mình nuôi con, không nhận được sự quan tâm, chăm sóc vợ con của ông S, vợ chồng mà không sống chung bà H

cùng 02 con ra ở trọ, ông S về nhà cha mẹ ruột sống từ cuối tháng 8/2024 đến nay. Nay xét thấy mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn nên bà H xin ly hôn ông S. Bà H và ông S có 02 con chung tên Võ Văn T, sinh ngày 28/4/2011 và Võ Tuệ S1, sinh ngày 12/11/2013, các con từ trước tới nay sống với bà H, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Võ Văn S trình bày: Năm 2010, ông S và bà H tự nguyện chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại U, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu ngày 14/3/2011. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do ông S không có công việc ổn định, thu nhập không đảm bảo cuộc sống lo cho vợ con, ông S không có tiền đóng nhà trọ (vợ chồng ở trọ) nên ông S về nhà mẹ ruột ở tại Số D, Khóm E, Phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nhà bà Hồ Ngọc L) và làm thuê để trả nợ riêng của ông S, khi việc trả nợ tạm ổn ông S có nói với bà H là cho ông S về chung sống để lo cho các con nhưng bà H không đồng ý, ông S cũng không còn biện pháp hàn gắn nào khác ngoài việc tiếp tục năn nỉ bà H không ly hôn để vợ chồng cùng nhau lo cho các con. Do ông S còn thương vợ và muốn vợ chồng cùng nhau chăm sóc các con nên ông S không đồng ý ly hôn. Ông S và bà H chung sống có 02 con chung tên Võ Văn T, sinh ngày 28/4/2011 và Võ Tuệ S1, sinh ngày 12/11/2013, các con đang sống với bà H, nếu trường hợp bắt buộc phải ly hôn thì ông S cũng đồng ý giao 02 con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, để cuộc sống các con được ổn định, không bị ảnh hưởng. Ông S và bà H không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H, cho bà H ly hôn với ông S. Về con chung: Giao 02 con chung tên Võ Văn T, sinh ngày 28/4/2011 và Võ Tuệ S1, sinh ngày 12/11/2013 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét, giải quyết. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc tranh chấp “Ly hôn”, bị đơn ông Võ Văn S đang cư trú tại Số D, Khóm E, Phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu nên đây là vụ án tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Năm 2010, bà H và ông S tự nguyện chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại U, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu ngày 14/3/2011, nên hôn nhân của bà H và ông S là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Bà H và ông S đều xác định trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn cãi vã do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, kinh tế gia đình khó khăn vợ chồng ly tán, mỗi người sống một nơi hơn 01 năm nay, bà H không nhận được sự quan tâm, chăm sóc vợ con từ ông S, tình cảm vợ chồng không còn nên bà H kiên quyết xin ly hôn ông S. Bên cạnh đó, theo Biên bản xác minh chính quyền địa phương ngày 28/02/2025 cũng xác định vợ chồng ông không sống chung, ông S chỉ sinh sống một mình ở địa phương, vợ con sống nơi khác. Như vậy, sự việc vợ chồng ông S và bà H xảy ra mâu thuẫn và đã không còn chung sống là có xảy ra trên thực tế. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân là sự tự nguyện chung sống, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, nhưng hiện nay vợ chồng không còn chung sống, tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông S mâu thuẫn trầm trọng, ông S cũng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, bà H kiên quyết xin ly hôn ông S do hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cho bà H ly hôn ông S là phù hợp.

[3] Về con chung: Ông S và bà H có 02 con chung tên Võ Văn T, sinh ngày 28/4/2011 và Võ Tuệ S1, sinh ngày 12/11/2013, các cháu đang sống với bà H, các cháu đều có nguyện vọng sống chung với bà H và bà H, ông S cũng thống nhất giao cả 02 con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Do đó, giao 02 con chung bà H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Bà H không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Ông S được thăm nom con chung theo Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông S thống nhất xác định không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Bà H là nguyên đơn xin ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu tại phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình

2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Huỳnh Mỹ H đối với ông Võ Văn S. Cho bà Huỳnh Mỹ H được ly hôn ông Võ Văn S.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Võ Văn T, sinh ngày 28/4/2011 và Võ Tuệ S1, sinh ngày 12/11/2013 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Ông Võ Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Huỳnh Mỹ H đối với ông Võ Văn S không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Mỹ H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0000058 ngày 12/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, nay được chuyển thu án phí.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND Tp. Bạc Liêu;
- Chi cục THADS Tp. Bạc Liêu;
- UBND Phường 5, Tp. Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ca Kiều Nguyệt